

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /20...../TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

THÔNG TƯ**Hướng dẫn giao dịch mua lại có kỳ hạn
trái phiếu Chính phủ của Kho bạc Nhà nước**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn giao dịch mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ của Kho bạc Nhà nước.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn việc thực hiện giao dịch mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ (TPCP) từ nguồn ngân quỹ nhà nước (NQNN) tạm thời nhàn rỗi của Kho bạc Nhà nước (KBNN).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Kho bạc Nhà nước.
2. Sở Giao dịch Chứng khoán.
3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
4. Các ngân hàng thương mại (NHTM) đủ điều kiện giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP với KBNN.
5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc mua lại có kỳ hạn TPCP.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Ngoài các thuật ngữ đã được giải thích tại Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương (sau đây gọi là Thông tư số 30/2019/TT-BTC), trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP là giao dịch mua bán lại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Thông tư số 30/2019/TT-BTC. KBNN là bên mua trong giao dịch lần 1 và là bên bán trong giao dịch lần 2; KBNN sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi để mua TPCP và nhận quyền sở hữu TPCP từ bên bán, đồng thời cam kết sẽ bán lại và chuyển quyền sở hữu khối lượng TPCP đó cho bên bán sau một thời gian xác định với một mức giá xác định.

2. Kỳ hạn mua lại TPCP: là số ngày thực tế được tính từ ngày thanh toán giao dịch lần 1 đến ngày thanh toán giao dịch lần 2.

3. Ngày thanh toán giao dịch lần 1 (ngày mua TPCP): là ngày TPCP được chuyển giao cho KBNN trên hệ thống của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và tiền giao dịch lần 1 được chuyển cho bên bán trên hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Ngày thanh toán giao dịch lần 2 (ngày bán lại TPCP): là ngày TPCP được chuyển quyền cho bên bán trong giao dịch lần 1 trên hệ thống của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và tiền giao dịch TPCP lần 2 được chuyển cho KBNN trên hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Kỳ hạn còn lại của TPCP: là khoảng thời gian còn lại (theo ngày thực tế) từ ngày tổ chức mua lại có kỳ hạn TPCP đến ngày đáo hạn TPCP.

6. Ngày đăng ký cuối cùng của kỳ trả lãi kế tiếp của TPCP: là ngày Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định danh sách chủ sở hữu trái phiếu để thanh toán lãi, gốc TPCP.

7. Giá gộp lãi danh nghĩa TPCP: là giá của TPCP tính vào ngày thanh toán và có bao gồm lãi danh nghĩa tích gộp (nếu có).

8. Giá yết TPCP: là giá của TPCP tính vào ngày thanh toán và không bao gồm lãi danh nghĩa tích gộp.

9. Giao dịch trái phiếu hưởng quyền là giao dịch có ngày thanh toán diễn ra trước hoặc trùng với ngày đăng ký cuối cùng hưởng lãi trái phiếu của kỳ trả lãi hiện tại.

10. Giao dịch trái phiếu không hưởng quyền là giao dịch có ngày thanh toán diễn ra sau ngày đăng ký cuối cùng hưởng lãi trái phiếu của kỳ trả lãi hiện tại.

Điều 8. Đối tác giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP và hạn mức dư nợ cho từng đối tác

1. KBNN lựa chọn đối tác giao dịch là NHTM để giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Đang là thành viên giao dịch trên thị trường giao dịch công cụ nợ tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

b) Trong danh sách các NHTM có mức độ an toàn cao do Ngân hàng nhà nước Việt Nam cung cấp cho Bộ Tài chính (KBNN) hàng năm theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP.

c) Không vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP với KBNN theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này trong vòng ba (03) năm liền kề trước thời điểm KBNN thực hiện giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP.

2. Hạn mức dư nợ giao dịch cho từng đối tác

Hàng quý, căn cứ hạn mức sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi để giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP được Bộ Tài chính phê duyệt (chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày được Bộ Tài chính phê duyệt), KBNN xác định và thông báo hạn mức dư nợ giao dịch quý cho từng NHTM.

Điều 9. Hợp đồng giao dịch

1. Giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP giữa KBNN và NHTM được thực hiện theo hợp đồng, bao gồm: hợp đồng khung và các phụ lục hợp đồng.

2. Hàng năm, chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách các NHTM có mức độ an toàn cao do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP, KBNN thông báo bằng văn bản đến từng NHTM nằm trong danh sách của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và đáp ứng các tiêu chí nêu tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này; sau đó, tổ chức ký Hợp đồng khung với các NHTM mới và có chấp thuận giao dịch với KBNN, đảm bảo hoàn thành chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo.

Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo điều chỉnh danh sách các NHTM có mức độ an toàn cao, thì chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản điều chỉnh của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, KBNN thông báo bằng văn bản đến từng NHTM được bổ sung hoặc bị loại khỏi danh sách NHTM có mức độ an toàn cao.

Điều 4. Hạn mức sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi để mua lại có kỳ hạn TPCP

1. Hạn mức sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi để mua lại có kỳ hạn TPCP thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 64/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 314/2016/TT-BTC ngày 28/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước.

2. Hàng quý, chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày được Bộ Tài chính phê duyệt hạn mức sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi để mua lại có kỳ hạn TPCP, KBNN thông báo tổng hạn mức giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP trong quý trên trang thông tin điện tử của KBNN.

Điều 5. Điều kiện đối với TPCP được KBNN chấp nhận trong giao dịch

TPCP được KBNN chấp nhận sử dụng trong giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Là TPCP đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán, có kỳ hạn còn lại tối đa không quá một (01) năm.

2. Thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên bán và được phép chuyển nhượng; không bị ràng buộc trong các quan hệ về giao dịch đảm bảo trong thời gian mua lại có kỳ hạn, kể từ ngày thanh toán giao dịch lần 1.

Điều 6. Kỳ hạn mua lại TPCP

1. Kỳ hạn mua lại TPCP của KBNN bao gồm: kỳ hạn 7 ngày, 14 ngày, 21 ngày, 1 tháng, 2 tháng và 3 tháng.

2. Giao KBNN căn cứ tình hình thị trường, quyết định kỳ hạn mua lại cụ thể đối với từng giao dịch, phù hợp với phương án điều hành NQNN đã được Bộ Tài chính phê duyệt hàng quý.

Điều 7. Hình thức giao dịch và hệ thống thực hiện giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP

1. Hình thức giao dịch: KBNN thực hiện giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP theo hình thức thỏa thuận điện tử, đảm bảo việc lựa chọn đối tác giao dịch theo nguyên tắc đấu thầu cạnh tranh lãi suất mua lại có kỳ hạn TPCP, phù hợp với quy định tại Điều 16, Điều 17 Thông tư số 30/2019/TT-BTC.

2. Hệ thống thực hiện giao dịch: Giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP của KBNN được thực hiện trên hệ thống giao dịch công cụ nợ tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

Trường hợp các NHTM được bổ sung có chấp thuận giao dịch với KBNN, KBNN tổ chức ký Hợp đồng khung với các NHTM, đảm bảo hoàn thành chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo.

KBNN chấm dứt Hợp đồng khung với NHTM khi NHTM đó không đáp ứng đủ tiêu chí nêu tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp NHTM đó vẫn còn có các phụ lục hợp đồng đang còn hiệu lực, thì KBNN chấm dứt hợp đồng khung với NHTM đó vào ngày kết thúc phụ lục hợp đồng cuối cùng đã được ký kết với KBNN.

3. Nội dung chính của hợp đồng khung, bao gồm:

- a) Căn cứ pháp lý thực hiện hợp đồng.
- b) Ngày hợp đồng, địa điểm ký kết hợp đồng.
- c) Thông tin bên mua, thông tin bên bán, bao gồm: tên, địa chỉ, điện thoại, số tài khoản và nơi mở tài khoản (tài khoản tiền gửi và tài khoản lưu ký chứng khoán) của bên mua, bên bán.
- d) Phương thức giao dịch (không bao gồm nội dung về lãi suất mua lại có kỳ hạn, kỳ hạn mua lại TPCP, các điều kiện và điều khoản của TPCP, khối lượng TPCP, các mức giá trị giao dịch lần 1, lần 2).
- đ) Phương thức thanh toán và chuyển giao TPCP.
- e) Quyền và nghĩa vụ của các bên.
- g) Vi phạm và xử lý vi phạm hợp đồng.
- h) Giải quyết tranh chấp.
- i) Quy định về ngày có hiệu lực của hợp đồng, thời hạn hợp đồng và chấm dứt hợp đồng; về thay đổi điều khoản, điều kiện quy định tại hợp đồng khung.
- k) Các nội dung liên quan khác (nếu có).

4. Căn cứ Hợp đồng khung đã được ký kết, KBNN và NHTM ký phụ lục hợp đồng cho từng lần giao dịch. Nội dung chính của phụ lục hợp đồng, bao gồm:

a) Các thông tin về TPCP được mua lại có kỳ hạn: mã TPCP, giá trị niêm yết, ngày phát hành, ngày đáo hạn, lãi suất danh nghĩa, phương thức thanh toán gốc lãi, kỳ hạn còn lại của TPCP, tỷ lệ phòng vệ rủi ro.

b) Chi tiết giao dịch lần 1: Lãi suất mua lại có kỳ hạn TPCP; kỳ hạn mua lại TPCP; tiền lãi mua lại có kỳ hạn TPCP; ngày thanh toán giao dịch lần 1; giá yết, giá gộp lãi danh nghĩa, khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch lần 1 tương ứng với từng mã TPCP.

c) Chi tiết giao dịch lần 2: Ngày thanh toán giao dịch lần 2; giá yết, giá gộp lãi danh nghĩa, khối lượng giao dịch và giá trị giao dịch lần 2 tương ứng với từng mã TPCP.

5. Hợp đồng khung và phụ lục hợp đồng có thể được lập bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử; trường hợp lập bằng văn bản giấy, thì phải có đầy đủ dấu và chữ ký trực tiếp của người có thẩm quyền đại diện các bên thực hiện hợp đồng; trường hợp lập bằng văn bản điện tử, thì phải được ký số bởi người có thẩm quyền đại diện các bên thực hiện hợp đồng.

6. KBNN thông báo danh sách các NHTM đáp ứng đủ tiêu chí tham gia giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP (và danh sách điều chỉnh nếu có) theo quy định tại Điều 8 Thông tư này cho Sở Giao dịch Chứng khoán chậm nhất trong ngày ký Hợp đồng khung với các NHTM.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 10. Quy trình giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP

1. Chậm nhất 9h00 ngày tổ chức mua lại có kỳ hạn TPCP, KBNN gửi yêu cầu chào giá về đợt mua lại có kỳ hạn TPCP lên hệ thống giao dịch công cụ nợ của Sở Giao dịch Chứng khoán cho các NHTM đã ký hợp đồng khung. Nội dung yêu cầu chào giá bao gồm:

a) Tổng khối lượng tính theo mệnh giá TPCP dự kiến chào mua tương ứng với từng loại kỳ hạn mua lại TPCP.

b) Ngày tổ chức mua lại có kỳ hạn TPCP (ngày T).

c) Ngày thanh toán giao dịch lần 1 (ngày T+1), ngày thanh toán giao dịch lần 2 đối với từng loại kỳ hạn mua lại TPCP.

2. Chậm nhất 9h30 ngày T, các NHTM gửi lệnh chào chắc chắn, đảm bảo tổng khối lượng chào giá tại tất cả các kỳ hạn mua lại TPCP không vượt quá hạn mức còn lại của NHTM đó.

Đối với mỗi loại kỳ hạn mua lại TPCP, mỗi NHTM được chào tối đa năm (05) lệnh chào đối với mỗi loại kỳ hạn mua lại TPCP, đảm bảo tổng khối lượng chào không vượt quá tổng khối lượng KBNN yêu cầu chào giá đối với loại kỳ hạn đó.

Mỗi lệnh chào bao gồm lãi suất chào mua lại có kỳ hạn (tính đến 2 chữ số thập phân); một (01) hoặc nhiều mã TPCP được sử dụng để làm tài sản đảm bảo, khối lượng chào tính theo mệnh giá TPCP, giá yết, giá gộp lãi và tỷ lệ phòng vệ

rủi ro tương ứng cho từng mã TPCP. Khối lượng chào tính theo mệnh giá TPCP không thấp hơn mức tối thiểu theo thông báo của KBNN trong từng thời kỳ.

3. Đúng 9h05 ngày T, KBNN thực hiện mở các bản chào trên hệ thống giao dịch công cụ nợ của Sở Giao dịch Chứng khoán. Căn cứ các lệnh chào nhận được trên hệ thống giao dịch công cụ nợ, KBNN xác định kết quả mua lại có kỳ hạn theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

4. Chậm nhất 10h00 ngày T, KBNN mở các lệnh chào đã được lựa chọn theo quy định tại khoản 3 Điều này để thực hiện giao dịch trên hệ thống giao dịch công cụ nợ.

5. Ký phụ lục hợp đồng

Chậm nhất vào 14h00 ngày T, KBNN ký phụ lục hợp đồng với từng NHTM được lựa chọn. Trong đó, đối với mỗi NHTM được lựa chọn, mỗi phụ lục hợp đồng được ký kết tương ứng với 01 lệnh chào được lựa chọn của NHTM đó.

Sau 14h00 ngày T, KBNN dừng việc ký kết phụ lục hợp đồng với các NHTM. KBNN hủy bỏ kết quả mua lại có kỳ hạn TPCP theo quy chế giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán, đảm bảo hoàn thành chậm nhất vào 14h45 ngày T.

6. Thanh toán giao dịch lần 1 và lần 2

Căn cứ Phụ lục hợp đồng đã ký kết, KBNN và NHTM thực hiện thanh toán giao dịch lần 1 và lần 2 (chuyển tiền và TPCP) theo quy định tại Điều 29, Điều 31 và Điều 32 Thông tư số 30/2019/TT-BTC.

Điều 11. Xác định kết quả mua lại có kỳ hạn TPCP

1. Phương pháp xác định lãi suất mua lại có kỳ hạn TPCP

Lãi suất mua lại có kỳ hạn TPCP áp dụng cho mỗi NHTM là mức lãi suất chào của NHTM đó được xét chọn theo thứ tự từ cao xuống thấp và thỏa mãn đồng thời cả hai (02) điều kiện sau:

a) Mức lãi suất mua lại có kỳ hạn TPCP thấp nhất không thấp hơn lãi suất tối thiểu do KBNN quy định trong từng thời kỳ.

b) Khối lượng mua lại có kỳ hạn TPCP tính lũy kế đến mức lãi suất mua lại có kỳ hạn TPCP thấp nhất không vượt quá khối lượng KBNN thông báo.

2. Phương pháp xác định khối lượng mua lại có kỳ hạn TPCP đối với từng NHTM

a) Khối lượng mua lại có kỳ hạn TPCP đối với mỗi NHTM tham gia chào tương đương với khối lượng chào của NHTM đó.

Trường hợp tại mức lãi suất mua lại có kỳ hạn TPCP được lựa chọn thấp nhất, khối lượng chào tính lũy kế đến mức lãi suất này vượt quá khối lượng KBNN thông báo với loại kỳ hạn mua lại đó, thì sau khi đã trừ đi khối lượng chào ở các mức lãi suất cao hơn, phần còn lại của khối lượng KBNN thông báo được phân bổ cho các NHTM chào tại mức lãi suất mua lại có kỳ hạn TPCP được lựa chọn thấp nhất theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng chào và được làm tròn xuống hàng tỷ đồng. Phần dư còn lại của khối lượng KBNN thông báo sau khi làm tròn xuống đơn vị tỷ đồng được phân bổ cho NHTM đầu tiên chào tại mức lãi suất mua lại có kỳ hạn được lựa chọn thấp nhất; trường hợp phân bổ phần dư vượt quá khối lượng chào còn lại của NHTM này, thì phần vượt quá tiếp tục được phân bổ cho NHTM kế tiếp cho đến hết khối lượng KBNN thông báo.

b) Trường hợp khối lượng chào của NHTM vượt hạn mức dư nợ còn lại của NHTM đó, khối lượng chào được xét kết quả mua lại có kỳ hạn TPCP của NHTM là hạn mức dư nợ còn lại tại các mức lãi suất chào cao hơn của NHTM đó (ưu tiên kỳ hạn ngắn).

c) Việc xác định cụ thể khối lượng mua lại có kỳ hạn TPCP của từng NHTM được thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục Thông tư này.

Điều 12. Giá trị giao dịch lần 1, lãi mua lại có kỳ hạn và giá trị giao dịch lần 2

1. Giá trị giao dịch lần 1 của KBNN tương ứng với từng lệnh chào được xác định theo công thức:

$$V_1 = \sum V_i$$

Trong đó, V_i là giá trị giao dịch lần 1 tương ứng với từng mã TPCP của lệnh chào được lựa chọn, được tính như sau:

$$V_i = GG \times (1 - H) \times KL$$

Trong đó:

- a) V_i : Giá trị giao dịch lần 1 của mã TPCP (làm tròn đến 01 đồng).
- b) GG: Giá gộp lãi danh nghĩa của một (01) trái phiếu của mã TPCP đó, được tính theo quy định tại Điều 14 Thông tư này (làm tròn đến 01 đồng).
- c) H: Tỷ lệ phòng vệ rủi ro được quy đổi sang số thập phân, là 5% tính trên giá gộp lãi danh nghĩa của TPCP.
- d) KL: Khối lượng TPCP giao dịch tương ứng với từng mã TPCP (= khối lượng mua lại của mã TPCP đó/ mệnh giá trái phiếu).

2. Lãi mua lại có kỳ hạn TPCP được xác định theo từng lệnh chào và theo công thức sau:

$$L = V_1 \times R \times \frac{T}{\text{Số ngày thực tế của năm}}$$

Trong đó:

- L: Lãi mua lại có kỳ hạn TPCP (làm tròn đến 01 đồng).
- R: Lãi suất mua lại có kỳ hạn TPCP (%/năm) tương ứng với từng lệnh chào.
- T: Kỳ hạn mua lại TPCP (ngày).
- Số ngày thực tế của năm: Là số ngày thực tế của năm có ngày thanh toán giao dịch lần 1.

3. Giá trị giao dịch lần 2 của KBNN tương ứng với từng lệnh chào được xác định theo công thức sau:

$$V_2 = V_1 + L - \sum C_i$$

Trong đó:

- V_2 : Giá trị giao dịch lần 2 (làm tròn đến 01 đồng).
- C_i : Lãi danh nghĩa của mã TPCP i mà KBNN được nhận (nếu có).

Điều 13. Giá gộp lãi danh nghĩa, lãi danh nghĩa tích gộp và giá yết TPCP

1. Giá gộp lãi danh nghĩa

a) Xác định giá TPCP không thanh toán lãi định kỳ

- Trường hợp TPCP còn từ 2 kỳ trả lãi giả định trở lên:

$$GG = MG \times \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{k}\right)^{\left(\frac{d}{E} + t - 1\right)}}$$

- Trường hợp TPCP còn 1 kỳ trả lãi giả định:

$$GG = MG \times \frac{1}{1 + \frac{L_t}{k} \times \frac{d}{365/k}}$$

Trong đó:

- GG = Giá một (01) TPCP (được làm tròn đến 01 đồng);
- MG = Mệnh giá TPCP;
- K = Số lần thanh toán lãi định kỳ giả định trong 1 năm;
- d = Số ngày thực tế giữa ngày thanh toán giao dịch lần 1 và ngày thanh toán tiền lãi giả định kế tiếp;
- E = Số ngày thực tế trong kỳ trả lãi giả định có ngày thanh toán giao dịch lần 1;

T = Số lần thanh toán lãi định kỳ giả định giữa ngày thanh toán giao dịch lần 1 và ngày đáo hạn của TPCP;

L_t = Lãi suất chiết khấu TPCP (%/năm), được tính toán từ hệ thống đường cong lãi suất của Sở Giao dịch Chứng khoán căn cứ trên điều kiện, điều khoản của mã TPCP.

b) Xác định giá TPCP có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có các kỳ trả lãi bằng nhau hoặc TPCP có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn hoặc dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo.

- Đối với TPCP còn từ 2 kỳ trả lãi trở lên

+ Trường hợp ngày thanh toán giao dịch lần 1 trước hoặc vào ngày đăng ký cuối cùng của kỳ trả lãi kế tiếp, giá TPCP được xác định như sau:

$$GG = MG \times \left(1 + \frac{L_t}{k}\right)^{\left(1 - \frac{d}{E}\right)} \times \left\{ \frac{L_c}{L_t} \times \left[1 - \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{k}\right)^t}\right] + \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{k}\right)^t} \right\}$$

+ Trường hợp ngày thanh toán giao dịch lần 1 sau ngày đăng ký cuối cùng của kỳ trả lãi kế tiếp, giá TPCP được xác định như sau:

$$GG = MG \times \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{k}\right)^{\left(\frac{d}{E}\right)}} \times \left\{ \frac{L_c}{L_t} \times \left[1 - \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}}\right] + \frac{1}{\left(1 + \frac{L_t}{k}\right)^{(t-1)}} \right\}$$

- Đối với TPCP còn 1 kỳ trả lãi

$$GG = MG \times \frac{\frac{L_c}{k} + 1}{1 + \frac{L_t}{k} \times \frac{d}{365/k}}$$

Trong đó:

GG = Giá một (01) TPCP (được làm tròn đến 01 đồng);

MG = Mệnh giá TPCP;

L_c = Lãi suất danh nghĩa công cụ nợ (%/năm);

k = Số lần thanh toán lãi định kỳ trong 1 năm;

d = Số ngày thực tế giữa ngày thanh toán giao dịch lần 1 và ngày thanh toán tiền lãi kế tiếp;

E = Số ngày thực tế trong kỳ trả lãi có ngày thanh toán giao dịch

lần 1;

t = Số lần thanh toán lãi TPCP giữa ngày thanh toán giao dịch lần 1 và ngày đáo hạn của công cụ nợ;

L_t = Lãi suất chiết khấu TPCP (%/năm), được tính toán từ hệ thống đường cong lãi suất của Sở Giao dịch Chứng khoán căn cứ trên điều kiện, điều khoản của mã TPCP.

c) Bộ Tài chính thông báo cách xác định giá gộp lãi danh nghĩa trong trường hợp lãi suất danh nghĩa TPCP là lãi suất thả nổi khi phát sinh.

2. Lãi danh nghĩa tích gộp

a) Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch hưởng quyền

- Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có các kỳ trả lãi bằng nhau

Lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch hưởng quyền được xác định, theo công thức sau:

$$Cc = MG \times Rc \times \frac{E - D_n}{E}$$

Trong đó:

Cc : Lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch hưởng quyền.

MG : Mệnh giá trái phiếu.

$Rc = \frac{L_c}{k}$ trong đó L_c : Lãi suất danh nghĩa trái phiếu (%/năm); k : Số lần thanh toán lãi trong năm.

D_n : Số ngày từ ngày thanh toán của giao dịch đến ngày trả lãi danh nghĩa tiếp theo gần nhất hoặc từ ngày thanh toán của giao dịch đến ngày đáo hạn trái phiếu

E : Số ngày của kỳ trả lãi trái phiếu hiện tại

- Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo

+ Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch hưởng quyền của kỳ trả lãi đầu tiên như sau:

$$Cc = MG \times Rc \times \frac{D_1 - D_n}{E_2}$$

Trong đó:

D_1 : Số ngày từ ngày phát hành trái phiếu lần đầu đến ngày trả lãi danh nghĩa tiếp theo gần nhất;

E_2 : Số ngày trong kỳ trả lãi trái phiếu thông thường theo giả định có ngày thanh toán giao dịch diễn ra.

+ Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch hưởng quyền của các kỳ trả lãi tiếp theo theo công thức tại điểm a khoản 1 Điều này.

- Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo

+ Trường hợp ngày thanh toán của giao dịch diễn ra trước hoặc trùng với ngày trả lãi danh nghĩa thông thường theo giả định của kỳ trả lãi đầu tiên, lãi coupon tích gộp của kỳ trả lãi đầu tiên được xác định như sau:

$$Cc = MG \times Rc \times \frac{D_2 - D_n^1}{E_1}$$

Trong đó:

D_2 : Số ngày từ ngày phát hành trái phiếu lần đầu đến ngày trả lãi danh nghĩa thông thường theo giả định tiếp theo gần nhất;

D_n^1 : Số ngày từ ngày thanh toán của giao dịch đến ngày trả lãi danh nghĩa thông thường theo giả định tiếp theo gần nhất

E_1 : Số ngày trong kỳ trả lãi trái phiếu thông thường theo giả định có ngày phát hành trái phiếu lần đầu diễn ra.

+ Trường hợp ngày thanh toán của giao dịch diễn ra sau ngày trả lãi danh nghĩa thông thường theo giả định của kỳ trả lãi đầu tiên, lãi coupon tích gộp của kỳ trả lãi đầu tiên được xác định như sau:

$$Cc = MG \times Rc \times \left(\frac{D_2}{E_1} + \frac{E_2 - D_n}{E_2} \right)$$

Trong đó:

D_n : Số ngày từ ngày thanh toán đến ngày trả lãi danh nghĩa tiếp theo gần nhất;

E_2 : Số ngày trong kỳ trả lãi trái phiếu thông thường theo giả định có ngày thanh toán diễn ra.

+ Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch hưởng quyền của các kỳ trả lãi tiếp theo công thức tại gạch (-) thứ nhất, điểm a khoản này.

b) Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch không hưởng quyền

- Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có các kỳ trả lãi bằng nhau

Lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch không hưởng quyền được xác định theo công thức sau:

$$Cx = MG \times Rc \times \frac{D_n}{E}$$

Trong đó:

Cx: Lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch không hưởng quyền.

- Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo.

+ Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch không hưởng quyền của kỳ trả lãi đầu tiên như sau:

$$Cx = MG \times Rc \times \frac{D_n}{E_2}$$

+ Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch không hưởng quyền của các kỳ trả lãi tiếp theo theo công thức tại điểm a khoản 2 Điều này.

- Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo

+ Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch không hưởng quyền của kỳ trả lãi đầu tiên như sau:

$$Cx = MG \times Rc \times \frac{D_n}{E_2}$$

+ Xác định lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch không hưởng quyền của các kỳ trả lãi tiếp theo công thức tại gạch (-) thứ nhất điểm a khoản này.

c) Xác định lãi coupon tích gộp trong trường hợp ngày thanh toán trùng với ngày trả lãi danh nghĩa

Trong trường hợp ngày thanh toán trùng với ngày trả lãi danh nghĩa, lãi coupon tích gộp được xác định bằng 0 (không).

3. Giá yết TPCP

a) Đối với trái phiếu có phương thức thanh toán lãi vào cuối kỳ

- Xác định giá yết trong ngày giao dịch hưởng quyền

$$G = GG - Cc$$

Trong đó:

G: Giá yết (làm tròn đến 01 đồng).

Cc: Lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch hưởng quyền.

- Xác định giá yết trong ngày giao dịch không hưởng quyền

$$G = GG + Cx$$

Trong đó:

Cx: Lãi coupon tích gộp trong ngày giao dịch không hưởng quyền.

- Xác định giá yết trong trường hợp ngày thanh toán trùng với ngày trả lãi danh nghĩa

$$G = GG$$

b) Đối với trái phiếu có phương thức thanh toán lãi đầu kỳ

- Xác định giá yết trong ngày giao dịch hưởng quyền

+ Giá yết trong ngày giao dịch hưởng quyền được xác định theo công thức sau:

$$G = GG + Cx$$

+ Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo, và ngày thanh toán của giao dịch diễn ra trước hoặc trùng với ngày trả lãi danh nghĩa thông thường theo giả định của kỳ trả lãi đầu tiên:

$$G = GG + MG \times Rc \times \left(\frac{D_n}{E_1} + 1 \right)$$

- Xác định giá yết trong ngày giao dịch không hưởng quyền

+ Giá yết trong ngày giao dịch không hưởng quyền được xác định theo công thức sau:

$$G = GG + Cx + MG \times Rc$$

+ Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên ngắn hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo, và ngày thanh toán của giao dịch diễn ra trong kỳ trả lãi đầu tiên, giá yết được xác định theo công thức sau:

$$G = GG + Cx + MG \times Rc \times \frac{D_1}{E_2}$$

+ Đối với trái phiếu có lãi suất danh nghĩa cố định, thanh toán lãi định kỳ và có kỳ trả lãi đầu tiên dài hơn so với các kỳ trả lãi tiếp theo, và ngày thanh toán của

giao dịch diễn ra trong kỳ trả lãi đầu tiên, giá yết được xác định theo công thức sau:

$$G = GG + Cx + MG \times Rc \times \left(\frac{D_2}{E_1} + 1 \right)$$

- Xác định giá yết trong trường hợp ngày thanh toán trùng với ngày trả lãi danh nghĩa

$$G = GG + MG \times Rc$$

Điều 14. Xử lý chậm thanh toán tiền giao dịch lần 1, lần 2

1. Trường hợp chậm thanh toán tiền giao dịch lần 1, lần 2, thì bên chậm thanh toán phải thanh toán tiền phạt chậm thanh toán cho bên còn lại. Số tiền phạt chậm thanh toán được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này; bên chậm thanh toán thực hiện thanh toán trực tiếp vào tài khoản tiền gửi của bên còn lại, cùng ngày với ngày thực thanh toán giao dịch tương ứng (không tính vào giá trị thanh toán giao dịch lần 1, lần 2).

2. Tiền phạt chậm thanh toán được tính theo công thức:

Tiền phạt chậm thanh toán = Giá trị giao dịch chậm thanh toán (đồng) x Lãi suất phạt chậm thanh toán (%/năm) x Số ngày chậm thanh toán/ 365 ngày.

Trong đó:

a) Giá trị giao dịch chậm thanh toán được tính theo phần giá trị chậm thanh toán.

b) Lãi suất phạt chậm thanh toán được xác định bằng 150% mức lãi suất mua lại có kỳ hạn của phụ lục hợp đồng chậm thanh toán và không vượt quá 10%/năm.

c) Số ngày chậm thanh toán được xác định bằng số ngày thực tế chậm thanh toán tính từ ngày thanh toán theo phụ lục hợp đồng đến ngày liền kề trước ngày thực thanh toán.

Điều 15. Xử lý trường hợp NHTM không thực hiện thanh toán tiền cho KBNN

1. Trường hợp NHTM không thực hiện thanh toán tiền cho KBNN theo cam kết, KBNN và NHTM thống nhất điều chỉnh thời gian thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 23 và điểm a khoản 4 Điều 32 Thông tư số 30/2019/TT-BTC. NHTM phải thanh toán lãi phạt chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư này.

2. Sau thời hạn thanh toán quy định tại khoản 1 Điều này mà NHTM vẫn không thực hiện thanh toán cho KBNN, KBNN giữ TPCP cho đến khi đáo hạn và nhận gốc, lãi TPCP để khấu trừ toàn bộ nghĩa vụ phải thanh toán của NHTM.

Điều 16. Hạch toán kế toán

1. Các khoản sử dụng và hoàn trả NQNN để thực hiện giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP được hạch toán theo chế độ kế toán ngân sách nhà nước.
2. Các khoản thu, chi từ giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP được hạch toán, tổng hợp vào thu, chi nghiệp vụ của KBNN theo quy định tại Thông tư số 180/2013/TT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế của KBNN.

Điều 17. Công bố thông tin của KBNN

Chậm nhất ngày 10 hàng tháng, KBNN công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của KBNN về kết quả mua lại có kỳ hạn TPCP trong tháng liền kề trước đó (khối lượng, lãi suất mua lại có kỳ hạn TPCP bình quân gia quyền tương ứng với từng loại kỳ hạn).

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan

1. Kho bạc Nhà nước

Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ liên quan đến giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP theo quy định tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước, Thông tư số 314/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước, Thông tư số 64/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 314/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước, Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương và tại Thông tư này.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán: Tổ chức hệ thống giao dịch đảm bảo thực hiện giao dịch của KBNN theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam: Thực hiện thanh toán giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP của KBNN theo quy định tại Điều 29, Điều 31, Điều 32 và Điều 33 Thông tư số 30/2019/TT-BTC.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm ...
2. Thông tư này thay thế quy định mua lại có kỳ hạn TPCP quy định tại Điều 9 Thông tư số 314/2016/TT-BTC ngày 28/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước.
3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KBNN (bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

PHỤ LỤC. Xác định lãi suất và phân bổ khối lượng mua lại có kỳ hạn TPCP

(Ban hành kèm theo Thông tư số/20...../TT-BTC ngày tháng ... năm))

1. Trong trường hợp không có NHTM vượt hạn mức dự nợ

Ví dụ: Kho bạc Nhà nước công bố mua lại có kỳ hạn 300 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ đối với thời hạn mua lại có kỳ hạn là 14 ngày, lãi suất mua lại có kỳ hạn TPCP do KBNN xác định là 4,50%/năm, và các mức lãi suất dự thầu của các NHTM như dưới đây, thì mức lãi suất và khối lượng mua lại có kỳ hạn TPCP của từng NHTM như sau:

STT	NHTM	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng cộng dồn ¹	Kết quả	
					Khối lượng mua lại có KH	Lãi suất mua lại có KH
		(%/năm)	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(%/năm)
1	A	5,00%	50	50	50	5,00%
2	A	4,90%	60	110	60	4,90%
3	A	4,80%	80	190	80	4,80%
4	B	4,80%	21	211	21	4,80%
5	D	4,70%	48	259	48	4,70%
6	C	4,70%	20	279	20	4,70%
7	B	4,70%	22	301	21	4,70%
8	B	4,60%	50	-	-	
9	C	4,40%	70	-	-	
10	C	4,20	100	-	-	
Tổng			521		300	

- Lãi suất tối thiểu được lựa chọn bằng 4,70%/năm, là mức lãi suất chào thấp nhất được chọn theo thứ tự từ cao đến thấp của lãi suất chào, đảm bảo đồng thời hai (02) điều kiện: (i) Không thấp hơn lãi suất tối thiểu do KBNN quy định; (ii) Khối lượng TPCP phủ mua lại có kỳ hạn tính lũy kế đến mức lãi suất này không vượt quá khối lượng gọi thầu.

- Khối lượng dự thầu cộng dồn cạnh tranh lãi suất tại các mức lãi suất cao hơn 4,70%/năm (từ mức 4,80%/năm trở lên) là 411 tỷ đồng, do vậy phần dư còn lại là 89

¹ Là khối lượng cộng dồn ở các mức lãi suất có thể được lựa chọn

tỷ đồng so với khối lượng KBNN thông báo được phân bổ cho các NHTM chào tại mức lãi suất 4,70%/năm (tổng khối lượng chào tại mức lãi suất này là 90 tỷ đồng) theo tỷ lệ tương ứng với khối lượng chào:

+ NHTM D được phân bổ $48/90 \times 89 = 47,47$ tỷ đồng \Rightarrow NHTM D được 47 tỷ đồng (do được làm tròn xuống 1 tỷ đồng).

+ NHTM C được phân bổ $20/90 \times 89 = 19,78$ tỷ đồng \Rightarrow NHTM C được 19 tỷ đồng.

+ NHTM B được phân bổ $22/90 \times 89 = 21,76$ tỷ đồng \Rightarrow NHTM B được 21 tỷ đồng.

- Khối lượng phân bổ cho 03 NHTM chào ở mức 4,70%/năm là 87 tỷ đồng, tổng khối lượng mua lại có kỳ hạn TPCP tính lũy kế đến mức lãi suất 4,70%/năm là 298 tỷ đồng - còn dư 2 tỷ đồng so với khối lượng KBNN thông báo.

- Giả sử thời gian chào của các NHTM theo thứ tự tăng dần như sau: D, C, B (NHTM D chào sớm nhất). Như vậy, đối với 02 tỷ đồng còn lại: NHTM D được thêm 01 tỷ đồng (= 48 tỷ đồng chào - 47 tỷ đồng đã được phân bổ) và NHTM C được thêm 01 tỷ đồng.

- Kết quả mua lại có kỳ hạn TPCP như sau:

+ NHTM A: 190 tỷ đồng (50 tỷ đồng lãi suất 5%/năm, 60 tỷ đồng lãi suất 4,9%/năm và 80 tỷ đồng lãi suất 4,8%/năm).

+ NHTM B: 42 tỷ đồng (21 tỷ đồng lãi suất 4,8%/năm, 21 tỷ đồng lãi suất 4,7%/năm).

+ NHTM C: 20 tỷ đồng (lãi suất 4,7%/năm).

+ NHTM D: 48 tỷ đồng (lãi suất 4,7%/năm).

2. Trong trường có NHTM vượt hạn mức dư nợ:

Giả sử NHTM A được hạn mức dư nợ giao dịch mua lại có kỳ hạn TPCP là 5.000 tỷ đồng, tổng giá trị các Phụ lục hợp đồng mua lại có kỳ hạn TPCP đang có hiệu lực tại ngày tổ chức mua lại có kỳ hạn là 4.900 tỷ đồng. Như vậy, hạn mức còn lại cho NHTM A là 100 tỷ đồng.

Giả sử các mức gọi và chào mua lại có kỳ hạn TPCP như dưới đây:

- Đối với kỳ hạn 7 ngày (KBNN gọi 300 tỷ đồng):

STT	NHTM	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng cộng dồn ²	Kết quả	
					Khối lượng mua lại có KH	Lãi suất mua lại có KH
		(%/năm)	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(%/năm)
1	A	4,00%	50	50	50	4,00%
2	B	3,90%	60	110	60	3,90%
3	C	3,80%	80	190	80	3,80%
4	B	3,80%	21	211	21	3,80%
5	D	3,70%	48	259	48	3,70%
6	C	3,70%	20	279	20	3,70%
7	B	3,65%	22	301	21	3,70%
8	B	3,60%	50	-	-	
9	C	3,40%	70	-	-	
Tổng			421		300	

- Đối với kỳ hạn 14 ngày (KBNN gọi 300 tỷ đồng):

STT	NHTM	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng cộng dồn ³	Kết quả	
					Khối lượng mua lại có KH	Lãi suất mua lại có KH
		(%/năm)	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(%/năm)
1	A	5,00%	30	30	30	5,00%
2	A	4,90%	60	50	20	4,90%
3	A	4,80%	80	-	-	4,80%
4	B	4,80%	21	71	21	4,80%
5	D	4,70%	48	119	48	4,70%
6	C	4,70%	20	139	20	4,70%
7	B	4,70%	22	161	21	4,70%
8	B	4,60%	50	211	50	4,60%
9	C	4,40%	70	281	70	4,40%
Tổng			401		281	

² Là khối lượng cộng dồn ở các mức lãi suất có thể được lựa chọn

³ Là khối lượng cộng dồn ở các mức lãi suất có thể được lựa chọn

- Đối với kỳ hạn 21 ngày (KBNN gọi 300 tỷ đồng):

STT	NHTM	Lãi suất đăng ký	Khối lượng đăng ký	Khối lượng cộng dồn ⁴	Kết quả	
					Khối lượng mua lại có KH	Lãi suất mua lại có KH
		(%/năm)	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(Tỷ đồng)	(%/năm)
1	A	6,00%	50	-	-	-
2	A	5,90%	60	-	-	-
3	A	5,80%	80	-	-	-
4	B	5,80%	50	50	50	3,80%
5	D	5,70%	60	110	60	3,70%
6	C	5,70%	50	160	50	3,70%
7	B	5,70%	80	240	80	3,70%
8	B	5,60%	100	340	60	5,60%
9	C	5,40%	50	-	-	
Tổng			580		300	

Giả sử lãi suất mua lại có kỳ hạn TPCP tối thiểu do KBNN xác định đối với kỳ hạn 7 ngày là 3,5%/năm, 14 ngày là 4,50%/năm và 21 ngày là 5%/năm. Lãi suất và khối lượng mua lại có kỳ hạn TPCP của từng NHTM được xác định như sau:

- Việc xét các lệnh chào của NHTM A như sau: Theo thứ tự ưu tiên kỳ hạn ngắn, lệnh chào của NHTM A tại kỳ hạn 7 ngày được xét trước:

+ Tại kỳ hạn 7 ngày (theo thứ tự ưu tiên kỳ hạn ngắn được ưu tiên): Khối lượng mua lại có kỳ hạn tại loại kỳ hạn 7 ngày của NHTM A là 50 tỷ đồng, tại mức lãi suất 4%/năm. Như vậy, hạn mức còn lại của NHTM A là 50 tỷ đồng được xét đối với các lệnh chào tại kỳ hạn 14 ngày (kỳ hạn lớn hơn liền kề).

+ Tại kỳ hạn 14 ngày: Khối lượng mua lại là 30 tỷ đồng tại mức lãi suất 5%/năm và 20 tỷ đồng tại mức lãi suất 4,9%/năm và như vậy, NHTM đã hết hạn mức còn lại. Do đó, lệnh chào tại mức lãi suất cao hơn không được xét.

+ Tại kỳ hạn 21 ngày: Không được xét do hết hạn mức dư nợ còn lại.

- Việc xét khối lượng và lãi suất chào của NHTM B, C, D thực hiện như tại Điểm 1.

⁴ Là khối lượng cộng dồn ở các mức lãi suất có thể được lựa chọn